

Số: /KH-BVĐK

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

**KẾ HOẠCH HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH**  
**(Cập nhật 01.2026)**

Thực hiện Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho đối tượng xin cấp Giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh như sau:

**I. Kế hoạch hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh.**

**1. Mục tiêu**

- Xây dựng nội dung, tổ chức việc thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đa khoa đối với nhân viên y tế.

**2. Nội dung kế hoạch**

**2.1. Đối tượng áp dụng**

*2.1.1. Thực hành cho người có chức danh bác sỹ y khoa:*

Thời gian thực hành 12 tháng trong đó:

| STT | Nội dung thực hành                                                                                                                 | Khoa thực hành              | Thời gian | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|---------|
| 1   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu                                                                                   | Khoa Cấp cứu                | 3 tháng   |         |
| 2   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội                                                                                               | Một trong các khoa hệ Nội   | 3 tháng   |         |
| 3   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại                                                                                             | Một trong các khoa hệ Ngoại | 2 tháng   |         |
| 4   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản                                                                                               | Khoa Phụ sản                | 1 tháng   |         |
| 5   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi                                                                                               | Khoa Nhi                    | 1 tháng   |         |
| 6   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa lẻ                                                                                                | Tai mũi họng, Mắt, Da liễu  | 1.5 tháng |         |
| 7   | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến  | 0.5 tháng |         |

*2.1.2. Thực hành cho người có chức danh bác sỹ Y học cổ truyền:*

Thời gian thực hành 12 tháng trong đó:

| STT | Nội dung thực hành                                                                                                                 | Khoa thực hành             | Thời gian | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|---------|
| 1   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu                                                                                   | Khoa Cấp cứu               | 3 tháng   |         |
| 2   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                   | Khoa Y học cổ truyền       | 8.5 tháng |         |
| 3   | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến | 0.5 tháng |         |

*2.1.3. Thực hành cho người có chức danh bác sỹ Răng hàm mặt:*

Thời gian thực hành 12 tháng trong đó:

| STT | Nội dung thực hành                                                                                                                 | Khoa thực hành             | Thời gian | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|---------|
| 1   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu                                                                                   | Khoa Cấp cứu               | 3 tháng   |         |
| 2   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt                                                                                      | Khoa Răng hàm mặt          | 8.5 tháng |         |
| 3   | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến | 0.5 tháng |         |

*2.1.4. Thực hành cho người có chức danh bác sỹ Y học dự phòng:*

| STT | Nội dung thực hành                               | Khoa thực hành              | Thời gian | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|---------|
| 1   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu | Khoa Cấp cứu                | 3 tháng   |         |
| 2   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm    | Khoa Truyền nhiễm           | 2 tháng   |         |
| 3   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội             | Một trong các khoa hệ Nội   | 1 tháng   |         |
| 4   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại           | Một trong các khoa hệ Ngoại | 2 tháng   |         |
| 5   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản             | Khoa Phụ sản                | 1 tháng   |         |

|   |                                                                                                                                    |                            |           |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|--|
| 6 | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi                                                                                               | Khoa Nhi                   | 1 tháng   |  |
| 7 | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Lề                                                                                                | Tai mũi họng, Mắt, Da liễu | 1.5 tháng |  |
| 8 | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến | 0.5 tháng |  |

*2.1.5. Thực hành cho người có chức danh Bác sĩ chuyên khoa:*

Gồm 2 đối tượng:

- Bác sĩ y khoa thực hành ( để mở rộng hoặc thay đổi phạm vi hành nghề) sau khi đã có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản;

- Bác sĩ có văn bằng sau đại học tuy nhiên tính đến thời điểm đăng ký thực hành quá 2 năm.

Thời gian thực hành là 9 tháng với chuyên khoa đăng ký phù hợp với chuyên khoa được đào tạo.

*2.1.6. Thực hành cho người có chức danh Y sĩ:*

Thời gian thực hành 9 tháng trong đó:

| STT | Nội dung thực hành                                                                                                                 | Khoa thực hành              | Thời gian | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|---------|
| 1   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu                                                                                   | Khoa Cấp cứu                | 3 tháng   |         |
| 2   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội                                                                                               | Một trong các khoa hệ Nội   | 2 tháng   |         |
| 3   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại                                                                                             | Một trong các khoa hệ Ngoại | 2 tháng   |         |
| 4   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản                                                                                               | Khoa Phụ Sản                | 1.5 tháng |         |
| 5   | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến  | 0.5 tháng |         |

*2.1.7. Thực hành cho người có chức danh Y sĩ Y học cổ truyền:*

Thời gian thực hành 9 tháng trong đó:

| STT | Nội dung thực hành                                                                                                                 | Khoa thực hành             | Thời gian | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|---------|
| 1   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu                                                                                   | Khoa Cấp cứu               | 3 tháng   |         |
| 2   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền                                                                                   | Khoa Y học cổ truyền       | 5.5 tháng |         |
| 3   | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến | 0.5 tháng |         |

*2.1.8. Thực hành cho người có chức danh điều dưỡng:*

Thời gian thực hành 6 tháng trong đó:

| STT | Nội dung thực hành                                                                                                                 | Khoa thực hành                    | Thời gian | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------|---------|
| 1   | Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa hồi sức cấp cứu                                                                                   | Khoa Cấp cứu                      | 1 tháng   |         |
| 2   | Thực hành chuyên môn khám bệnh – chữa bệnh của điều dưỡng                                                                          | Các khoa lâm sàng trong Bệnh viện | 4.5 tháng |         |
| 3   | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến        | 0.5 tháng |         |

*2.1.9. Thực hành cho người có chức danh kỹ thuật hình ảnh y học:*

Thời gian thực hành 6 tháng trong đó:

| STT | Nội dung thực hành                                                                                                                 | Khoa thực hành                               | Thời gian | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------|---------|
| 1   | Thực hành hồi sức cấp cứu                                                                                                          | Khoa Cấp cứu                                 | 1 tháng   |         |
| 2   | Thực hành chuyên môn khám, chữa bệnh của KTV hình ảnh                                                                              | TT Chẩn đoán hình ảnh & Điện quang can thiệp | 4.5 tháng |         |
| 3   | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến                   | 0.5 tháng |         |

*2.1.10. Thời gian thực hành cho người có chức danh kỹ thuật xét nghiệm :*

Thời gian thực hành 6 tháng trong đó:

| STT | Nội dung thực hành                                                                                                                 | Khoa thực hành              | Thời gian | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------|---------|
| 1   | Thực hành hồi sức cấp cứu                                                                                                          | Khoa Cấp cứu                | 1 tháng   |         |
| 2   | Thực hành chuyên môn khám, chữa bệnh của KTV xét nghiệm                                                                            | Khoa Hoá sinh –vi sinh      | 2 tháng   |         |
| 3   | Thực hành chuyên môn khám, chữa bệnh của KTV xét nghiệm                                                                            | Khoa Huyết học – Truyền máu | 1.5 tháng |         |
| 4   | Thực hành chuyên môn khám, chữa bệnh của KTV xét nghiệm                                                                            | Khoa Giải phẫu bệnh         | 1 tháng   |         |
| 5   | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến  | 0.5 tháng |         |

*2.1.11. Thời gian thực hành cho người có chức danh Cấp cứu viên ngoại viện:*

Thời gian thực hành 6 tháng trong đó:

| STT | Nội dung thực hành                                                                                                                 | Khoa thực hành                                     | Thời gian | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------|---------|
| 1   | Thực hành hồi sức cấp cứu                                                                                                          | Khoa Cấp cứu                                       | 3 tháng   |         |
| 2   | Thực hành chuyên môn khám, chữa bệnh của Cấp cứu viên ngoại viện                                                                   | Tổ cấp cứu vận chuyển ngoại viện –Phòng Hành chính | 2.5 tháng |         |
| 3   | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến                         | 0.5 tháng |         |

*2.1.12. Thời gian thực hành cho người có chức danh Dinh dưỡng lâm sàng:*

Thời gian thực hành 6 tháng trong đó:

| STT | Nội dung thực hành        | Khoa thực hành  | Thời gian | Ghi chú |
|-----|---------------------------|-----------------|-----------|---------|
| 1   | Thực hành chuyên môn Dinh | Khoa Dinh dưỡng | 5.5 tháng |         |

|   |                                                                                                                                    |                            |           |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------|--|
|   | dưỡng lâm sàng                                                                                                                     |                            |           |  |
| 2 | Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh, quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử | TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyến | 0.5 tháng |  |

Các đối tượng đã đăng ký học thực hành cấp chứng chỉ hành nghề và ký hợp đồng trước ngày bản công bố này có hiệu lực tiếp tục học thực hành cấp chứng chỉ hành nghề theo Kế hoạch hướng dẫn thực hành số 52/KH-BVĐK ngày 19/02/2025 đi kèm bản Công bố Số: 337/BVĐK-ĐT ngày 21/02/2025 về Công bố Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là sơ sở thực hành

## 2.2. Nguyên tắc thực hành

- Người thực hành được thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc trực tiếp trên người bệnh, thực hành khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc dưới sự hướng dẫn, giám sát của người hướng dẫn thực hành.

- Người thực hành phải tuyệt đối tuân thủ theo hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành. Người thực hành phải bảo đảm hoàn thành nội dung thực hành và bảo đảm đủ thời gian thực hành theo quy định.

- Trường hợp người thực hành phải dừng thực hành vì lý do sức khỏe, lý do bất khả kháng khác thì người thực hành phải có đơn xin bảo lưu kết quả thực hành và được tạm dừng thực hành tối đa không quá 12 tháng, được bảo lưu các kết quả thực hành trước đó.

## 2.3. Danh sách giảng viên lâm sàng

Theo Phụ lục 01 đính kèm

## 2.4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận:

| Nội dung hướng dẫn thực hành                     | Số người đủ ĐK hướng dẫn thực hành | Số người thực hành có thể tiếp nhận |
|--------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------|
| Đối với người có văn bằng bác sỹ y khoa          | 81                                 | 405                                 |
| Đối với người có văn bằng bác sỹ Y học cổ truyền | 3                                  | 15                                  |
| Đối với người có văn bằng bác sỹ Răng hàm mặt    | 2                                  | 10                                  |
| Đối với người có văn bằng bác sỹ Y học dự phòng  | 81                                 | 405                                 |
| Đối với người có văn bằng Y sỹ                   | 81                                 | 405                                 |
| Đối với người có văn bằng y sỹ Y học cổ truyền   | 3                                  | 15                                  |

|                                                     |    |     |
|-----------------------------------------------------|----|-----|
| Đối với người có văn bằng điều dưỡng                | 64 | 320 |
| Đối với người có văn bằng kỹ thuật hình ảnh y học   | 7  | 35  |
| Đối với người có văn bằng kỹ thuật xét nghiệm y học | 10 | 50  |
| Người có chức danh Cấp cứu viên ngoại viện          | 2  | 10  |
| Người có chức danh Dinh dưỡng lâm sàng              | 3  | 15  |

## **2.5. Quy trình tiếp nhận học viên thực hành.**

**Thực hiện theo Quy trình tiếp nhận học viên thực hành khám, chữa bệnh: QT.14.HT ĐT-CĐT ban hành ngày 18/12/2022**

Bước 1: Người đăng ký thực hành nộp: “Đơn đề nghị thực hành” theo Mẫu 03 Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP và hồ sơ gồm các văn bằng chuyên môn.

Bước 2: Sau khi tiếp nhận Đơn đề nghị thực hành, Người đăng ký thực hành ký Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu 04 Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP.

Bước 3: Người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành ra Quyết định về việc phân công người hướng dẫn thực hành theo Mẫu 06 Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP

- Người đứng đầu cơ sở hướng dẫn thực hành phân công người hướng dẫn thực hành cho người thực hành theo quy định khoản 2 Điều 7 Nghị định 96/2023/NĐ-CP .

- Trường hợp có nhiều người hướng dẫn thực hành cho một người thực hành thì phải phân công rõ phạm vi hướng dẫn và thời gian hướng dẫn thực hành cụ thể của từng người hướng dẫn.

## **2.6. Theo dõi, quản lý, đánh giá quá trình thực hành và xác nhận quá trình thực hành**

- Người trực tiếp hướng dẫn thực hành đánh giá, nhận xét quá trình thực hành của người thực hành theo từng nội dung quy định trong Mẫu Phiếu đánh giá, nhận xét quá trình thực hành ban hành kèm theo Thông tư 21/2020/TT-BYT

- Căn cứ Phiếu đánh giá, nhận xét quá trình thực hành, Bệnh viện cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I Nghị định 96/2023/NĐ-CP

## **3. Tổ chức thực hiện**

### **3.1. Trung tâm Đào tạo – Chỉ đạo tuyến**

- Đầu mỗi triển khai kế hoạch;
- Thực hiện giám sát, kiểm tra chấp hành nội quy quy chế thực hành khám, chữa bệnh của người thực hành và việc hướng dẫn thực hành của các khoa, phòng;
- Dựa trên Phiếu đánh giá, nhận xét quá trình thực hành, TT Đào tạo – Chỉ đạo tuyển trình lãnh đạo Bệnh viện cấp giấy xác nhận quá trình thực hành.
- Gửi Sở Y tế Kế hoạch hướng dẫn thực hành, danh sách học viên thực hành trước 31/12 hàng năm.
- Đăng tải công khai Kế hoạch thực hành hàng năm lên Trang thông tin điện tử của bệnh viện.

### **3.2. Các khoa, phòng và Trung tâm**

- Bố trí cán bộ tiếp nhận và hướng dẫn người thực hành.
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành. Chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.
- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành của người thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

### **3.3. Trách nhiệm của người thực hành**

- Tuân thủ nội quy, quy chế của Bệnh viện.
- Tuân thủ quy định, quy chế chuyên môn của Bệnh viện, tuân theo sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực hành.
- Thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng thực hành khám, chữa bệnh
- Người thực hành không được ký đơn thuốc, ký tên trong hồ sơ bệnh án điều trị. Không tự ý thực hiện các thủ thuật, kỹ thuật khi chưa được người hướng dẫn thực hành cho phép.

Trên đây là Kế hoạch Hướng dẫn thực hành của Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình./.

#### **Nơi nhận:**

- LDBV;
- Các khoa phòng;
- P. CTXH ( để đăng tải);
- Lưu: VT, TT ĐT-CĐT.

**GIÁM ĐỐC**

**Chu Thị Giang**